

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO SINH VIÊN KHOA KIẾN TRÚC QUY HOẠCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI THEO TIẾP CẬN CIPO

ThS. KTS. NGUYỄN TRUNG THÀNH*

Ngày nhận bài: 15/05/2016; ngày sửa chữa: 17/05/2016; ngày duyệt đăng: 18/05/2016.

Abstract: The article introduces the CIPO- a modern theory on training quality management with ten factors applied in many countries in the world to improve quality of training. Author also mentions situation of managing quality of training students of Architecture Planning with achievements, however training management is facing difficulties because of lacking material facilities and ineffectiveness in changing methods and forms of teaching, etc. Thereby, the author suggests recommendations to foster implementation of training management towards CIPO model to enhance quality of training Architecture planning students at National University of Civil Engineering.

Keywords: Quality management, towards CIPO, Architecture planning.

Vấn đề nâng cao chất lượng GD-ĐT nhằm thực hiện yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam hiện đang rất được quan tâm và phát triển mạnh. Trên thế giới đã có nhiều lý thuyết về quản lý (QL) chất lượng GD-ĐT, tuy nhiên, vận dụng lý thuyết nào cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam và quan trọng hơn phải phù hợp với các cơ sở đào tạo là vấn đề cần cân nhắc. QL chất lượng đào tạo (CLĐT) theo CIPO (Context - Input - Process - Output/Outcome) của UNESCO là xu thế QL chất lượng giáo dục tiên tiến trên thế giới hiện nay. Mô hình này đã được nhiều tổ chức giáo dục, những nhà khoa học hàng đầu trên thế giới khuyến khích các nền giáo dục khác cùng nghiên cứu thực hiện.

Quá trình đào tạo ở các trường đại học là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Sản phẩm của đào tạo - nguồn nhân lực được đào tạo sẽ tác động trực tiếp với sự phát triển KT-XH của mỗi quốc gia. Vì vậy, QL CLĐT ở đại học càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Với đặc thù đào tạo sinh viên (SV) Khoa Kiến trúc và Quy hoạch của Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, bài viết đề xuất việc QL CLĐT theo mô hình CIPO nhằm nâng cao CLĐT trong bối cảnh hiện nay.

1. QL CLĐT theo mô hình CIPO của UNESCO

Mô hình QL CLĐT CIPO của UNESCO thể hiện được sự QL chất lượng bao quát toàn diện tất cả các hoạt động liên quan đến QL CLĐT; giúp QL sâu, rộng đến từng nội dung, lĩnh vực hoạt động, từng cá nhân, bộ phận... liên quan đến hoạt động CLĐT. Đồng thời, với việc cụ thể hóa từng nội dung hoạt động QL đảm bảo chất lượng riêng biệt theo từng đối tượng, công việc, các yếu tố môi trường và các điều kiện đảm bảo chất lượng sẽ đạt được mục tiêu đào tạo đã đề ra. QL CLĐT theo CIPO của UNESCO cho phép để

dàng đo lường, đánh giá chính xác được kết quả thực hiện từng công việc cả về định lượng và định tính. Các yếu tố đảm bảo chất lượng bao quát tất cả các mặt hoạt động của cơ sở đào tạo (có tính đến bối cảnh và điều kiện đảm bảo chất lượng dạy học ở nhà trường). CLĐT sẽ được đảm bảo không chỉ ở “đầu ra” được tốt, vì mọi việc đã chuẩn bị và đảm bảo chất lượng ở “đầu vào và cả quá trình”. Như vậy, sẽ phòng ngừa được những sai sót có thể xảy ra ngay từ khâu “đầu vào” và “cả quá trình đào tạo”; đồng thời, trong quá trình thực hiện cũng sẽ QL được từng bộ phận, từng thành viên tham gia.

Mô hình đảm bảo chất lượng CIPO của UNESCO chú trọng đến 10 yếu tố: - Người học khỏe mạnh; - Giáo viên thành thạo nghề nghiệp; - Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; - Chương trình giáo dục thích hợp; - Thiết bị, đồ dùng dạy học đảm bảo; - Môi trường học tập vệ sinh, an toàn; - Hệ thống đánh giá thích hợp; - QL dân chủ, cùng tham gia; - Huy động cộng đồng cùng tham gia; - Nguồn lực đầu tư thỏa đáng. Tất cả các yếu tố đó đều phải được đảm bảo thực hiện trong suốt quá trình QL đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng. Như vậy, QL CLĐT theo mô hình CIPO là QL chất lượng toàn bộ các yếu tố “đầu vào, quá trình và đầu ra trong bối cảnh và điều kiện của nhà trường”.

1.1. Yếu tố “đầu vào”:

- Đối với SV: Chất lượng và sức khỏe SV khi nhập học: + Xác định năng lực học tập của SV có ảnh hưởng rất quan trọng đến chất lượng của cả quá trình đào tạo. Năng lực học tập của từng SV là cơ sở để giảng viên (GV) có biện pháp định hướng, tổ chức hướng

* Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

dẫn học tập theo phương pháp và nội dung phù hợp;
+ Đảm bảo sức khỏe và tâm thế người học. Yếu tố sức khỏe gắn liền với tâm sinh lí. Đặc biệt là tâm thế - sở thích của SV có phù hợp với nghề nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

- *Đối với GV*: + Xác định chất lượng đội ngũ GV của nhà trường thể hiện qua trình độ và năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm. Ở bậc đại học, trình độ chuyên môn sâu có tính quyết định trực tiếp đến CLĐT; + Chuẩn nghề nghiệp GV được tính theo quy định của Bộ GD-ĐT và của trường, cụ thể: về trình độ đào tạo, chuyên môn chuyên ngành, phẩm chất đạo đức, nghiệp vụ sư phạm và các kĩ năng khác (công nghệ thông tin, ngoại ngữ...).

- *Đối với chương trình đào tạo*: + Đảm bảo chất lượng nội dung, chương trình đào tạo, tài liệu dạy học. Nội dung chương trình đào tạo, tài liệu dạy học là cơ sở để lựa chọn phương pháp và hình thức đào tạo. Ngoài ra, còn hệ thống tài liệu tham khảo chuyên sâu giúp nâng cao kiến thức chuyên ngành đào tạo; + Nguồn lực đầu tư (tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị...). Để các hoạt động đào tạo đảm bảo chất lượng, yếu tố tài chính cũng có vai trò tích cực góp phần đảm bảo các điều kiện dạy học. Cơ sở vật chất, thiết bị là yếu tố tác động trực tiếp đến chất lượng cũng như tay nghề của SV sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1.2. Yếu tố “quá trình”.

- *Hoạt động dạy - học*: + Đảm bảo chất lượng kế hoạch dạy học nhằm đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo; đồng thời hướng vào việc hình thành tư duy sáng tạo, tính chủ động, tích cực trong học tập và nghiên cứu; + Đảm bảo chất lượng tổ chức thực hiện chương trình dạy học, kết hợp hài hòa giữa lí thuyết và thực hành, giữa học trên lớp và học tại “hiện trường”.

- *QL dạy - học*: + QL hoạt động đào tạo thông qua kế hoạch hóa chương trình đào tạo và kế hoạch tổ chức hoạt động đào tạo, cụ thể: QL thời lượng và thời gian đào tạo; QL đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức đào tạo; QL đổi mới phương pháp và hình thức đánh giá; QL hoạt động học tập của SV (gồm: QL động cơ, thái độ học tập, phương pháp học ở trong và ngoài “hiện trường”; ý thức tự học, chủ động trong tiếp cận và xử lí thông tin...).

- *QL đổi mới phương pháp dạy - học* là yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng đào tạo. Trong bối cảnh khoa học - công nghệ phát triển nhanh như hiện nay, việc GV phải chủ động cập nhật thông tin thì định hướng và hướng dẫn cho SV chủ động khai thác và sử dụng công nghệ cũng là một yếu tố then chốt.

- *Xây dựng môi trường dạy - học tích cực*. Chất lượng môi trường học tập là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp

đến các hoạt động dạy học, đến việc lựa chọn phương pháp và hình thức dạy học. Với đặc thù ngành nghề đào tạo, thì các cơ sở ngoài nhà trường (doanh nghiệp, công trình...) cũng là những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao CLĐT.

- *Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo*: Ngoài các mục tiêu, ý nghĩa chung thì kiểm tra, đánh giá còn nhằm điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo góp phần nâng cao chất lượng dạy học của GV cũng như kết quả học tập của SV.

1.3. Yếu tố “đầu ra”. Kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo: Theo quan điểm: “*chất lượng là sự đáp ứng mục tiêu, yêu cầu*” thì CLĐT đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo. Như vậy, QL CLĐT chính là QL theo “*đầu vào, quá trình và đầu ra*” của sản phẩm đào tạo. Đích cuối cùng của đào tạo đại học chính là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng yêu cầu của xã hội.

1.4. Điều kiện đảm bảo CLĐT và QL đào tạo.

Điều kiện đảm bảo CLĐT và QL đào tạo chính là các yếu tố về con người (đội ngũ cán bộ QL, GV, SV, cộng tác viên - chuyên gia trong đào tạo), các yếu tố về tài chính và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy học...

1.5. Bối cảnh của đào tạo và QL CLĐT.

Đào tạo và QL CLĐT được diễn ra trong bối cảnh gồm các yếu tố: - Thể chế chính trị, KT-XH; - Luật pháp; - Khoa học công nghệ; - Không gian tổ chức hoạt động đào tạo; - Chính sách sử dụng nguồn nhân lực; - Thời gian đào tạo.

2. Thực trạng QL CLĐT SV Khoa Kiến trúc và Quy hoạch - Trường Đại học Xây dựng theo mô hình CIPO

2.1. Yếu tố “đầu vào”. - Theo số liệu thống kê 5 năm trở lại đây, “đầu vào” tương đối ổn định và có xu hướng tăng dần từ 400 SV (năm 2011) đến 536 SV (năm 2015) mặc dù chịu sự tác động của khủng hoảng kinh tế và đầu tư xây dựng. Chất lượng đánh giá “đầu vào” được xác định khá cao so với các khối trường kĩ thuật (trung bình 24,5 điểm, gồm: môn *Toán* và *Vẽ kĩ thuật* nhân hệ số 1,5, *Vật lí* hệ số 1); Hơn nữa, SV đều có định hướng nghề nghiệp rõ ràng và thể hiện được năng lực cá nhân, không có hiện tượng chọn ngành đào tạo theo xu hướng thị trường.

2.2. Yếu tố “quá trình”.

- *Đội ngũ cán bộ QL, GV*: Với 117 GV (trong đó có: 3 giáo sư, 8 phó giáo sư, 2 tiến sĩ khoa học, 17 tiến sĩ và 80 thạc sĩ), Khoa Kiến trúc và Quy hoạch là một trong những đơn vị hàng đầu về lực lượng nghiên cứu khoa học (NCKH) chất lượng cao của nhà trường. Trong

những năm qua, đội ngũ cán bộ và GV của Khoa luôn xác định NCKH là nhiệm vụ thường xuyên, vừa là cơ sở vừa góp phần tích cực nâng cao CLĐT. Các đề tài NCKH học đều tập trung vào những lĩnh vực chuyên ngành đào tạo và các hướng nghiên cứu mới. Đội ngũ cán bộ và GV có phẩm chất đạo đức tốt, có tâm huyết trong lĩnh vực chuyên môn và ngành đào tạo.

- *Chương trình đào tạo*: Từ năm học 2009-2010, chương trình đào tạo được thiết kế trên cơ sở *module hóa* các kiến thức theo đơn vị tín chỉ, tạo điều kiện thuận lợi cho SV lựa chọn chương trình học tập phù hợp với kế hoạch và điều kiện cá nhân. Cấu trúc chương trình theo tín chỉ cho phép SV dễ dàng học liên thông giữa các ngành nghề, mở ra khả năng chuyển đổi nghề nghiệp hoặc học tiếp lên các trình độ học vấn cao hơn.

- *Nguồn lực đầu tư*: Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đã được cải thiện và tăng cường đáng kể phục vụ tốt cho công tác đào tạo trong những năm gần đây.

- *Hoạt động dạy - học*: Kế hoạch dạy học của nhà trường đã được cụ thể hóa bằng kế hoạch chung của Khoa, được kiểm soát chặt chẽ theo quy chế đào tạo của Bộ GD-ĐT và của lãnh đạo nhà trường. Việc tổ chức dạy học đã có sự kết hợp khá hài hòa giữa lý thuyết và thực hành; đặc biệt đã tăng cường phối hợp với các đơn vị liên kết trong và ngoài nhà trường.

2.3. Các yếu tố “đầu ra”: Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo đã được nhà trường đặc biệt quan tâm: 100% SV được tổ chức đánh giá theo hệ thống tín chỉ; 100% SV phải làm đồ án tốt nghiệp. Tổng số tín chỉ của toàn khóa học là 147 tín chỉ, trong đó có 1 đồ án tốt nghiệp. SV phải tích lũy điểm trung bình tối thiểu từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4.0) mới được công nhận tốt nghiệp. Cùng với đó, khoảng 60% SV tốt nghiệp ra trường có việc làm ổn định theo chuyên ngành đào tạo; số còn lại có thể làm việc cho các doanh nghiệp nước ngoài hoặc tiếp tục học lên sau đại học.

2.4. Bối cảnh của đào tạo và QL CLĐT: Việc đào tạo và QL CLĐT của Khoa được thực hiện theo **Luật Giáo dục đại học** mới được ban hành và quy chế đào tạo của Bộ GD-ĐT. Nhà trường, Khoa đã phối hợp với các tổ chức NCKH, các doanh nghiệp trong và ngoài nước để tạo điều kiện cho SV thực tập và trải nghiệm thực tiễn. SV được phối hợp với cán bộ - GV nhà trường tham gia các hoạt động NCKH và thực hiện các đề án, dự án.

Căn cứ vào các thành tố QL CLĐT theo mô hình CIPO, về cơ bản Khoa Kiến trúc và Quy hoạch đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, vẫn

còn một số vấn đề cần lưu ý, như: - Về đội ngũ cán bộ - GV: Mặc dù đã đạt chuẩn theo quy định, những tỉ lệ cán bộ - GV có trình độ thạc sĩ còn cao (trên 70%); - Chương trình đào tạo đã chuyển từ đào tạo niên chế sang học chế tín chỉ, nhưng do điều kiện tổ chức dạy học còn một số hạn chế, nên SV vẫn chưa chủ động trong việc xây dựng kế hoạch học tập theo điều kiện cá nhân, vẫn phụ thuộc vào kế hoạch hoạt động chung của nhà trường; - Vấn đề đổi mới phương pháp và hình thức đào tạo còn bộc lộ nhiều hạn chế do điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị; - Thời gian thực tập và trải nghiệm thực hành, thực tế của SV còn ít và hạn chế trong các đơn vị hợp tác với trường, đặc biệt là các trường hợp hợp tác đào tạo quốc tế.

3. Một số kiến nghị góp phần nâng cao CLĐT SV Khoa Kiến trúc quy hoạch - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

Việc triển khai QL đào tạo theo mô hình CIPO là cơ sở cho việc không ngừng cải tiến công tác QL, lề lối làm việc, giúp xác định rõ các quy trình cần phải thực hiện để hạn chế sai sót, tiết kiệm thời gian, sự phụ thuộc vào các cá nhân, tạo lòng tin cho lãnh đạo và những bên liên quan. Ứng dụng mô hình QL CIPO vào hoạt động QL đào tạo của Khoa Kiến trúc và Quy hoạch - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội là quá trình tiếp cận, ứng dụng dần dần trong hoàn cảnh có rất nhiều thách thức, rào cản của cơ chế QL giáo dục hiện hành. Vì vậy, để quá trình ứng dụng mô hình QL CLĐT CIPO đạt được chất lượng cao, theo chúng tôi, Khoa cần tiến hành theo từng bước sau:

- Xây dựng hệ thống tiêu chí, chỉ số chỉ báo theo các thành tố của mô hình CIPO phù hợp với yêu cầu chất lượng và điều kiện thực tiễn của Khoa, nhà trường trong bối cảnh hiện nay.

- Xây dựng chiến lược thực hiện QL chất lượng theo mô hình CIPO trong QL CLĐT của Trường và Khoa.

- Ứng dụng hệ thống tiêu chí, chỉ số chỉ báo vào QL đào tạo theo từng thành tố của mô hình trong quá trình tổ chức thực hiện phù hợp.

- Thành lập các bộ phận tổ chức thực hiện QL theo mô hình CIPO: Thành lập Ban chỉ đạo QL chất lượng và các bộ phận chức năng về QLCL đào tạo trên cơ sở cơ cấu tổ chức đã có như: Khoa, Phòng chức năng, Ban, các bộ phận trong nhà trường, Thư viện... với nhiệm vụ, trách nhiệm rõ ràng, cụ thể...

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, GV trong nhà trường kiến thức và kĩ năng cơ bản để

(Xem tiếp trang 72)

của mọi đối tượng; + Khuyến khích phát triển các câu lạc bộ giao tiếp, sử dụng tiếng Anh.

Nâng cao năng lực tiếng Anh đối với SV không chuyên ngữ của các trường ĐH và cao đẳng trên cả nước nói chung và Trường ĐH Hồng Đức nói riêng là một hướng nghiên cứu, ứng dụng phù hợp với mục tiêu đào tạo ĐH trong xu thế phát triển xã hội ngày nay. Tuy nhiên, thực tiễn dạy và học tiếng Anh cho SV không chuyên ngữ ở Trường ĐH Hồng Đức vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức. Việc xác định đúng đắn, đầy đủ những hạn chế đó sẽ giúp cho cán bộ, GV và SV kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học, góp phần thực hiện dạy và học tiếng Anh theo KNLNNVN cũng như Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung châu Âu mà mục tiêu Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 đã đề ra đạt hiệu quả cao. □

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT (2008). *Thông báo số 1007/TB-BGDĐT ngày 13/02/2008 về Kết luận của Phó Thủ tướng, Bộ*

trưởng Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị toàn quốc về chất lượng giáo dục đại học, ngày 05/01/2008.

[2] Thủ tướng Chính phủ (2008). *Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/09/2008 về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”.*

[3] Bộ GD-ĐT (2013). *Thông tư số 20/2013/TT-BGDĐT ngày 06/06/2013 về việc Ban hành quy định bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học.*

[4] Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.*

[5] Trường Đại học Hồng Đức (2011). *Đề án Chuyển đổi dạy - học tiếng Anh theo định hướng TOEIC đối với sinh viên không chuyên ngữ.*

[6] Boyce, Alan Edmond (2010). *The effectiveness of increasing language learning strategy awareness for students studying English as a second language.* Auckland University of Technology.

[7] Gardner, Robert C. - Lambert, Wallace E. (1972). *Attitudes and motivation in second language learning.* Newbury House Publishers.

Quản lý chất lượng đào tạo sinh viên...

(Tiếp theo trang 65)

thực hiện CIPO với nội dung, yêu cầu và thời gian khác nhau theo từng đối tượng.

- Đánh giá thực trạng hệ thống QL hiện hành trên cơ sở đối chiếu, so sánh với mô hình chất lượng theo CIPO dự định áp dụng.

- Xây dựng *Hệ thống QL CLĐT theo CIPO*, gồm: Hoạch định mục tiêu chiến lược nhằm nâng cao CLĐT của nhà trường; khoanh vùng các lĩnh vực công việc chính cần tập trung; xác định các hoạt động chủ yếu sẽ diễn ra và sắp xếp theo trật tự hợp lý để hình thành kế hoạch; xây dựng quy trình tiến hành các hoạt động đào tạo đó trên cơ sở sự phối hợp các nguồn lực; xác định các phương pháp, công cụ kiểm soát diễn biến và đo lường chất lượng cũng như các phương pháp đánh giá chất lượng...

- Đánh giá chất lượng của hệ thống sau một thời gian thực hiện, gồm: Đánh giá nội bộ của các bộ phận trong nhà trường; đánh giá của cơ quan chức năng QL nhà nước về lực lượng và các tổ chức tư vấn. Nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu thì đó là cơ sở để làm thủ tục chứng nhận mức độ của *Hệ thống QL CLĐT theo CIPO* của nhà trường.

QL CLĐT theo tiếp cận CIPO là lý thuyết QL hiện

đại đã được vận dụng có hiệu quả của nhiều cơ sở GD-ĐT ở nhiều quốc gia phát triển trên thế giới. Việc vận dụng mô hình này không thể thực hiện một cách máy móc, mà phải dựa trên việc đánh giá thực trạng; đồng thời, trên cơ sở các hệ thống tiêu chí và chỉ số, chỉ báo phù hợp với điều kiện nhà trường, xu thế phát triển và hội nhập quốc tế. Việc xây dựng và thực hiện tốt mô hình này sẽ góp phần thực hiện thành công công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam; đồng thời, đào tạo được nguồn nhân lực có chất lượng cao giúp thực hiện công cuộc CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế. □

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Khánh Đức (2011). *Chất lượng giáo dục và quản lý chất lượng giáo dục đại học.* NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Trần Khánh Đức (2014). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI.* NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Nguyễn Tiến Hùng (2015). *Quản lý chất lượng trong giáo dục.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Matsushita Konosuke (1999). *Quản lý chất lượng là gì?.* NXB Lao động.

[5] Phạm Thành Nghị (2000). *Quản lý chất lượng giáo dục đại học.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] A. Taylor - F. Hill (1997). *Quality management in education.* in Hariis.

[7] D. Warrant Piper (1993). *Quality management in universities.* AGPs. Canberra.